

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 41/2017/DS-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Đình Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Đức Xuân Thương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/9/2017 và ngày 07/9/2017, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2016/TLST – DS ngày 04/7/2016 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST–DS ngày 28/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2017/QĐST – DS ngày 16/8/2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: A, tổ B, khu PH, TT LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Lưu Anh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: A1, tổ B, khu PH, TT LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị Trần Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1980.

HKTT: C, khu phố D, P. TN, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: A1, tổ B, khu PH, TT LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị H có mặt; anh T, chị Tr vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Võ Thị Kim H trình bày:**

Năm 2014, chị đứng ra tổ chức 03 dây hui trong đó có chị Tr, anh T tham gia như sau:

- Dây thứ nhất: Ngày 25/7/2014, chị tổ chức góp hụi với số tiền 1.000.000đ, thời gian đóng hụi vào ngày 25 và ngày mùng 10 hàng tháng. Dây hụi này có tổng cộng 17 người chơi, 26 phần. Đây là dây hụi có lãi, tức là người chơi đầu tiên hốt hụi của mỗi người là 570.000đ, nhưng đến kỳ hóp hụi thì phải đóng 1.000.000đ. Số tiền hốt hụi cũng không giống nhau, người nào hốt sau thì được nhiều tiền hơn. Thời gian góp hụi là 13 tháng, đến ngày 10/8/2015 thì kết thúc. Chị Tr đã đóng 03 tháng tức 6 kỳ, tổng số tiền là 3.870.000đ, đến kỳ thứ 7 thì chị Tr xin hốt hụi với số tiền là 18.300.000đ, sau đó thì không đóng thêm kỳ nào nữa. Chị Tr còn phải đóng cho chị số tiền hụi chết trong dây hụi này là 11.000.000đ.

- Dây thứ 2: Ngày 05/10/2014, chị tổ chức góp hụi với số tiền 500.000đ, thời gian đóng hụi là ngày 05 và ngày 20 hàng tháng. Dây hụi này có tổng cộng 15 người chơi, 30 phần. Đây là dây hụi có lãi, thực tế người chơi đầu tiên hốt mỗi người 350.000đ nhưng đến kỳ góp hụi thì phải đóng 500.000đ, số tiền hụi cũng không giống nhau, người nào hốt đầu tiên thì được ít tiền, người nào hốt sau thì được nhiều tiền hơn. Thời gian hóp hụi của dây hụi này là 15 tháng, đến ngày 20/10/2015 thì kết thúc. Chị Tr đã đóng 01 kỳ với số tiền 350.000đ, đến kỳ thứ 2 thì hốt hụi với số tiền là 8.800.000đ, sau đó thì không đóng thêm kỳ nào nữa. Chị Tr còn phải đóng cho chị số tiền hụi chết là 11.000.000đ.

- Dây thứ 3: ngày 27/10/2014 chị tổ chức góp hụi với số tiền 2.000.000đ, thời gian đóng hụi là ngày 27 hàng tháng. Dây hụi này có tổng cộng 15 người chơi, 24 phần. Đây là dây hụi có lãi, người đầu tiên hốt mỗi người 1.300.000đ, nhưng đến kỳ đóng hụi thì phải đóng 2.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền hốt hụi cũng không giống nhau, người nào hốt đầu thì được ít tiền, người nào hốt sau thì được nhiều tiền hơn. Thời gian hóp hụi là 24 tháng, đến ngày 27/9/2016 thì kết thúc. Chị Tr đã đóng 01 kỳ với số tiền là 1.3000.000đ, đến kỳ thứ 2 chị Tr hốt hụi với số tiền là 27.450.000đ nhưng do chồng là anh Lưu Anh T nhận. Sau đó, chị Tr không đóng kỳ nào nữa. Chị Tr, anh T còn phải đóng cho chị số tiền hụi chết là 40.000.000đ.

Tổng số tiền chị Tr, anh T phải đóng cho chị là 62.000.000đ. Sau nhiều lần đòi nợ, chị Tr hứa hẹn và từ ngày 30/3/2015 đến ngày 10/11/2015 chị Tr đã trả được số tiền 13.000.000đ, còn lại 49.000.000đ chưa trả.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Tr, anh T phải trả cho chị số tiền góp hụi là 49.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

**\* *Tại bản tự khai ( không ghi ngày, tháng, năm), chị Trần Nguyễn Ngọc Tr trình bày:***

Chị có tham gia chơi hụi do chị Võ Thị Kim H làm chủ, gồm 03 dây hụi:

- Dây hụi ngày 25/7/2014 gồm 26 phần, chị tham gia 01 phần hụi 1.000.000đ, chị đóng được 03 tháng, đến tháng thứ 4 thì chị ăn được 18.300.000đ, chị có trách nhiệm phải đóng 11 kỳ còn lại với số tiền là 11.000.000đ.

- Dây hụi ngày 05/10/2014 có 30 phần hụi 500.000đ nửa tháng, chị tham gia chơi 01 phần. Chị đóng được 01 kỳ, đến kỳ thứ 2 thì chị ăn hụi được 8.800.000đ, chị phải đóng 22 kỳ với số tiền 11.000.000đ.

- Dây hui thứ 3 ngày 27/10/2014 gồm 24 phần hui 2.000.000đ một tháng. Chị tham gia chơi 01 phần, chị đóng được 01 tháng thì anh Lưu Anh T ăn hui với số tiền 27.450.000đ, số tiền hui chị phải đóng 20 kỳ là 40.000.000đ.

Đối với dây hui ngày 25/7/2014 và ngày 05/10/2014, chị là người ăn hui. Từ ngày 30/3/2015 đến ngày 10/11/2015 chị đã trả cho chị H số tiền 13.000.000đ, chị đồng ý có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 9.000.000đ.

Đối với dây hui ngày 27/10/2014, chị H giao số tiền hui 27.450.000đ cho anh T, số tiền hui phải đóng là 40.000.000đ. Chị xác định anh T là người phải có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 40.000.000đ.

***Anh Lưu Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.***

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trần Nguyễn Ngọc Tr có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Kim H số tiền hui còn nợ là 9.000.000đ. Đối với số tiền 27.450.000đ, chị H không chứng minh được anh T là người nhận tiền, anh T không có lời khai và không giám định được chữ ký của anh T nên đề nghị Tòa án không chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**{1}Về thủ tục tố tụng:**

- Về thủ tục thụ lý vụ án và thẩm quyền giải quyết: Anh Lưu Anh T, chị Trần Nguyễn Ngọc Tr có địa chỉ tại khu PH, thị trấn LT nên ngày 23/6/2016, chị H khởi kiện đối với anh T, chị Tr, Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh tại Công an thị trấn Long Thành thì được biết: Chị Tr không đăng ký thường trú tại địa phương nhưng có đăng ký tạm trú tại số nhà A1, tổ B, khu PH, TT LT, huyện LT. Từ tháng 02/2016 đến nay vợ chồng có mâu thuẫn nên chị Tr đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại khu phố D, phường TN, TP BH sinh sống. Anh Lưu Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A1, tổ B, khu PH, TT LT, huyện LT và hiện nay vẫn còn sinh sống thường xuyên tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr có đến Tòa án làm việc, làm bản tự khai nhưng sau đó cố tình vắng mặt.

Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Tr thay đổi nơi cư trú, làm việc nhưng không thông báo cho chị H, Tòa án và chính quyền địa phương biết là thuộc trường hợp chị Tr có tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành các thủ tục chung để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Quan hệ pháp luật: Ngày 23/6/2016, chị H có đơn khởi kiện yêu cầu anh T, chị Tr thanh toán số tiền hội còn nợ nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý đơn khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn chị Trần Nguyễn Ngọc Tr, anh Lưu Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

### **{2}Về nội dung vụ án:**

Năm 2014, chị Võ Thị Kim H tổ chức 03 dây hội, trong đó có chị Tr tham gia. Quá trình tham gia, dây hội khai ngày 25/7/2014 chị Tr đã hốt hội ngày 25/10/2014 với số tiền 18.300.000đ và có trách nhiệm phải đóng tiền hội còn lại là 11.000.000đ; dây hội khai ngày 05/10/2014 chị Tr đã hốt hội ngày 20/10/2014 với số tiền 8.800.000đ, chị Tr còn phải đóng tiền hội là 11.000.000đ; dây hội khai ngày 27/10/2014, anh T là chồng của chị Tr hốt hội ngày 27/11/2014 với số tiền 27.450.000đ, chị Tr, anh T còn phải đóng số tiền hội là 40.000.000đ. Tổng cộng, chị Tr, anh T còn phải đóng cho chị H 03 dây hội với số tiền là 62.000.000đ. Từ ngày 30/3/2015 đến ngày 10/11/2015 chị Tr đã trả cho chị H số tiền 13.000.000đ, còn lại 49.000.000đ.

Điều này đều được chị H và chị Tr thừa nhận. Do chị Tr, anh T không trả số tiền hội còn lại nên chị H khởi kiện.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Đề chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, chị H đã cung cấp cho Tòa án 03 giấy nhận hội bản chính mà theo chị H thì các giấy này thể hiện nội dung: ngày 25/10/2014 chị Tr nhận 18.300.000đ; ngày 20/10/2014 chị Tr nhận 8.800.000đ; ngày 27/11/2014 anh T nhận 27.450.000đ. Các lần nhận tiền, chị Tr, anh T đều ký nhận vào sổ (giấy).

Bị đơn anh Lưu Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai và không cung cấp chứng cứ nào khác.

Nhận thấy, các chứng cứ do chị H đưa ra phù hợp với lời trình bày của chị H và cũng phù hợp với lời trình bày của chị Tr là bị đơn trong vụ án nên được chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật, hình thức góp hụi, họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân, nghiêm cấm việc tổ chức họ, hụi dưới hình thức cho vay nặng lãi. Họ được phân thành 02 hình thức gồm họ có lãi và họ không có lãi.

Tại Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phưởng thì: Họ có lãi là họ mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác.

Như vậy, theo quy định trên thì phần họ của các thành viên góp là cố định, tới mỗi kỳ mở họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ và trả lãi cho các thành viên khác.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất đối với phần họ do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

Trường hợp chị Tr, anh T góp hụi, họ với chị H thuộc hình thức họ có lãi, nhưng lẽ ra các thành viên tham gia được nhận số tiền góp họ là 1.000.000đ, 500.000đ, 2.000.000đ và thành viên nào lĩnh họ thì phải trả lãi cho các thành viên khác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, lãi suất lại được các thành viên trừ trực tiếp vào phần họ mà các thành viên phải đóng, mức lãi suất các bên thỏa thuận cũng quá cao. Theo đó, dây hụi 1.000.000đ, người đầu tiên chỉ hốt (ăn) được 570.000đ/phần nhưng sau đó phải đóng 1.000.000đ/kỳ; dây hụi 500.000đ thì người đầu tiên hốt được 350.000đ/phần nhưng sau đó phải đóng 500.000đ/kỳ; dây hụi 2.000.000đ thì người đầu tiên chỉ hốt được 1.300.000đ/phần, sau đó phải đóng số tiền 2.000.000đ/kỳ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, pháp luật nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi. Do đó, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim H, buộc anh Lưu Anh T, chị Trần Nguyễn Ngọc Tr phải trả cho chị H số tiền thực tế đã nhận sau khi trừ 13.000.000đ chị Tr đã trả cho chị H là 33.630.000đ. Đối với khoản lãi hụi các bên thỏa thuận cao hơn quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Lãi suất được tính như sau:

- Tiền lãi của số tiền 18.300.000đ chị Tr nhận hụi ngày 25/10/2014 đến khi dây hụi kết thúc 10/8/2015 là:

$$18.300.000đ \times 0,75\% \times 150\% \times 9 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 1.956.000đ.$$

- Tiền lãi của số tiền 8.800.000 đ chị Tr nhận hụi ngày 20/10/2014 đến khi dây hụi kết thúc ngày 20/10/2015 là:

$$8.800.000đ \times 0,75\% \times 150\% \times 12 \text{ tháng} = 1.188.000đ.$$

- Tiền lãi của số tiền 27.450.000đ anh T nhận hụi ngày 27/11/2014 đến khi dây hụi kết thúc ngày 27/9/2016 là:

$$27.450.000đ \times 0,75\% \times 150\% \times 10 \text{ tháng} = 3.088.000đ.$$

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Trần Nguyễn Ngọc Tr và anh Lưu Anh T là vợ chồng. Đến tháng 02/2016 chị Tr và anh T phát sinh mâu thuẫn nên chị Tr đã bỏ về nhà mẹ tại phường Thống Nhất, TP Biên Hòa sinh sống. Như vậy, thời điểm tham gia hợp hui với chị Võ Thị Kim H thì anh T, chị Tr vẫn chung sống với nhau, việc nhận tiền hui từ chị H vợ chồng anh T đều biết. Do đó, buộc anh Lưu Anh T, chị Trần Nguyễn Ngọc Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền hui còn nợ là phù hợp. Tổng số tiền chị Tr, anh T phải thanh toán cho chị H là 39.862.000đ.

Về lãi suất sau khi dây hui kết thúc: Chị H không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên không đặt ra xem xét giải quyết.

{3} Về án phí DSST: Anh T, chị Tr phải nộp 1.993.000đ; chị H phải nộp án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 456.900đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí còn dư.

{4} Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 91, 203, 220; khoản 2 Điều 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 10, 17, 30, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim H đối với chị Trần Nguyễn Ngọc Tr và anh Lưu Anh T.

Buộc chị Trần Nguyễn Ngọc Tr và anh Lưu Anh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị Võ Thị Kim H số tiền 39.862.000đ( ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Về án phí DSST: Anh T, chị Tr phải nộp 1.993.000đ; Chị H phải nộp 456.900đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004784 ngày 01/7/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho chị H 768.100đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**Nguyễn Đình Trung**